

Số: 61/TB-OLYMPIA

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 8 năm 202

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS và trường THPT
năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	9	4,9
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	3	2,18
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	
7	Bình quân lớp/phòng học	7/9	
8	Bình quân học sinh/lớp	18/ Lớp	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3260 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	660 m ²	3,5
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	430	64 49
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	96
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	96
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	1	45
5	Diện tích phòng âm nhạc (m ²)	1	96
6	Diện tích phòng học tin học, thực hành (m ²)	1	96
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	2	0,7 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	2	1 bộ/lớp

1.3	Khối lớp 8	2	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	2	0,7 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 10	1	1 bộ//lớp
1.6	Khối lớp 11	2	1 bộ//lớp
1.7	Khối lớp 12	1	1 bộ//lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6	1	1 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 7	1	1 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
2.5	Khối lớp 10	0	
2.6	Khối lớp 11	0	
2.7	Khối lớp 12	0	
2.8	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	0
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	1/1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	1/1
5	Thiết bị khác...(Máy in)	2	0,3/1

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	139
XI	Nhà ăn	177

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
--	----------	---	--------	----------------------------

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	4	0	0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	0
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	0
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	0
XIX	Tường rào xây	x	0

Nơi nhận:

- Đưa trang web trường (để công khai);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG




Phan Khôi

TP
ĐÀ
NG
H
N